

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4470/TCHQ-TXNK

Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2019

V/v thực hiện Nghị định số
57/2019/NĐ-CP ngày 26/6/2019 ban
hành Biểu thuế XK ưu đãi, Biểu thuế
NK ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp
định CPTPP

Kính gửi: Các Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

Ngày 26/6/2019, Nghị định số 57/2019/NĐ-CP ban hành Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương giai đoạn 2019-2022 (sau đây gọi tắt là Hiệp định CPTPP) của Chính phủ có hiệu lực thi hành. Để thực hiện Nghị định, Tổng cục Hải quan hướng dẫn như sau:

1. Đối với hàng hóa nhập khẩu

- Hàng hóa nhập khẩu từ Liên bang Mê-hi-cô nếu đáp ứng các điều kiện để được hưởng thuế suất nhập khẩu ưu đãi đặc biệt CPTPP theo quy định tại Khoản 6 Điều 5 thì người khai hải quan thực hiện kê khai mã Biểu thuế B20 trên tờ khai nhập khẩu.

- Hàng hóa nhập khẩu từ Ôt-xtrây-li-a, Ca-na-da, Nhật Bản, Niu-di-lân, Cộng hòa Xin-ga-po, Việt Nam (hàng hóa từ khu phi thuế quan nhập khẩu vào thị trường trong nước) đáp ứng các điều kiện để được hưởng thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt CPTPP theo quy định tại Khoản 6 Điều 5 thì người khai hải quan thực hiện kê khai mã Biểu thuế B21 trên tờ khai nhập khẩu.

- Đối với các mặt hàng nhập khẩu áp dụng hạn ngạch thuế quan thuộc nhóm 04.07, 17.01, 24.01, 25.01:

+ Hàng hóa thuộc nhóm 04.07, 17.01, 25.01 nhập khẩu từ Liên bang Mê-hi-cô trong lượng hạn ngạch thuế quan hàng năm theo quy định của Bộ Công Thương (ký hiệu TRQ1) và hàng hóa thuộc nhóm 24.01 nhập khẩu trong hạn ngạch thuế quan thực hiện Hiệp định CPTPP theo quy định của Bộ Công Thương (ký hiệu là TRQ2) thì kê khai mã Biểu thuế B20 và áp dụng thuế suất trong hạn ngạch quy định tại Phụ lục II theo khoản 4 Điều 5 Nghị định này.

+ Hàng hóa thuộc nhóm 04.07, 17.01, 25.01 nhập khẩu từ Ôt-xtrây-li-a, Ca-na-da, Nhật Bản, Niu-di-lân, Cộng hòa Xin-ga-po, Việt Nam (hàng hóa từ khu phi thuế quan nhập khẩu vào thị trường trong nước) trong lượng hạn ngạch thuế quan hàng năm theo quy định của Bộ Công Thương (ký hiệu TRQ1) và hàng hóa thuộc nhóm 24.01 nhập khẩu trong hạn ngạch thuế quan thực hiện Hiệp định CPTPP theo quy định của Bộ Công Thương (ký hiệu là TRQ2) thì người khai hải quan thực hiện kê khai mã Biểu thuế B21 và áp dụng thuế suất trong hạn ngạch quy định tại Phụ lục II theo khoản 4 Điều 5 Nghị định này.

+ Hàng hóa thuộc nhóm 04.07, 17.01, 24.01, 25.01 nhập khẩu ngoài số lượng hạn ngạch thuế quan TRQ1 hoặc TRQ2 quy định tại Nghị định số 57/2019/NĐ-CP thì áp dụng các mức thuế suất nhập khẩu theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 sửa đổi, bổ sung Điều 8 Nghị định số 122/2016/NĐ-CP.

- Đối với mặt hàng ô tô đã qua sử dụng thuộc nhóm 87.02, 87.03, 87.04 nhập khẩu trong hạn ngạch thuế quan thực hiện Hiệp định CPTPP từ Liên bang Mê-hi-cô, Ôt-xơ-rây-lia, Ca-na-da, Nhật Bản, Niu-di-lân, Cộng hòa Xin-ga-po đáp ứng các điều kiện để được hưởng thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt CPTPP thì người khai hải quan thực hiện kê khai mã Biểu thuế B22 và áp dụng thuế suất quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Nghị định 57/2019/NĐ-CP.

Đối với mặt hàng ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu ngoài hạn ngạch quy định tại Nghị định số 57/2019/NĐ-CP thì áp dụng thuế suất nhập khẩu theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ.

2. Đối với hàng hóa xuất khẩu

Hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam được nhập khẩu vào lãnh thổ các nước: Liên bang Mê-hi-cô, Cộng hòa Xin-ga-po, Ôt-xơ-rây-lia, Niu-di-lân, Ca-na-da và Nhật Bản, người khai hải quan thực hiện kê khai mã Biểu thuế B01 tại thời điểm làm thủ tục hải quan và áp dụng thuế suất ưu đãi MFN quy định tại Phụ lục I – Biểu thuế xuất khẩu theo Danh mục mặt hàng chịu thuế ban hành kèm theo Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ.

3. Về xử lý tiền thuế nộp thừa

- Đối với hàng hóa xuất khẩu tại các tờ khai đăng ký từ ngày 14/01/2019, trong thời hạn 01 năm kể từ ngày đăng ký tờ khai, người khai hải quan nộp đầy đủ chứng từ chứng minh hàng hóa xuất khẩu thỏa mãn quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 57/2019/NĐ-CP, thực hiện khai bổ sung để áp dụng mức thuế suất thuế xuất khẩu ưu đãi CPTPP thấp hơn thì cơ quan hải quan xử lý tiền thuế nộp thừa theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định 57/2019/NĐ-CP và khoản 64, khoản 65 Điều 1 Thông tư số 39/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018.

- Đối với hàng hóa nhập khẩu tại các tờ khai hải quan đăng ký từ ngày 14/01/2019 đến trước thời điểm Nghị định có hiệu lực, đáp ứng đủ các điều kiện để được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt CPTPP và đã nộp thuế theo mức thuế cao hơn thì người khai hải quan thực hiện khai bổ sung để được áp dụng thuế suất nhập khẩu ưu đãi đặc biệt CPTPP và được xử lý tiền thuế nộp thừa theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định 57/2019/NĐ-CP và khoản 64, khoản 65 Điều 1 Thông tư số 39/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018. Người khai hải quan nộp công văn đề nghị xử lý số tiền thuế nhập khẩu nộp thừa theo Mẫu số 27/CVĐNHNT/TXNK ban hành kèm theo Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính, kèm theo Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hoá CPTPP, chứng từ vận tải hàng hóa chứng minh hàng hóa được nhập khẩu vào Việt Nam từ các nước Liên bang Mê-hi-cô, Ôt-xơ-rây-lia, Ca-na-da, Nhật Bản, Niu-di-lân, Cộng hòa Xin-ga-po theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định 57/2019/NĐ-

CP. Trường hợp hàng hóa được chuyển tải hoặc vận chuyển qua nước thứ ba không phải là các nước thành viên CPTPP nêu trên thì hàng hóa phải thỏa mãn điều kiện giữ nguyên trạng về xuất xứ CPTPP quy định tại điểm c.2, khoản 6 Điều 5 Nghị định 57/2019/NĐ-CP và nộp bổ sung chứng từ chứng minh vận tải trực tiếp qua nước không phải là thành viên CPTPP theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Thông tư số 38/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính quy định về xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Tổng cục Hải quan yêu cầu các Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện việc kiểm tra hồ sơ, kiểm tra xác định xuất xứ CPTPP, kiểm tra mức thuế suất thuế xuất khẩu ưu đãi, thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt CPTPP theo quy định tại Nghị định số 57/2019/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn, trường hợp hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đáp ứng đủ các điều kiện để được hưởng ưu đãi CPTPP thì thực hiện xử lý tiền thuế nộp thừa cho người khai hải quan theo quy định.

4. Về công tác hỗ trợ

Trong quá trình thực hiện Nghị định số 57/2019/NĐ-CP ngày 26/6/2019 của Chính phủ, trường hợp phát sinh vướng mắc liên quan, đề nghị các đơn vị báo cáo và đề xuất biện pháp xử lý (nếu có) về Tổng cục Hải quan để xem xét, hướng dẫn thực hiện thống nhất qua các đầu mối dưới đây:

- Về thủ tục hải quan và kiểm tra, xác định xuất xứ hàng hóa: đ/c Đặng Thị Hải Bình, Phó Trưởng phòng, Phòng Giám quản 4, Cục Giám sát quản lý, đt: 0439440833, máy lẻ: 8806, email: binhhdth@customs.gov.vn.

- Về áp dụng thuế suất thuế ưu đãi đặc biệt CPTPP: đ/c Lê Trung Sơn – Phó Trưởng phòng, Phòng Phân loại Hàng hóa và Biểu thuế, Cục Thuế XNK – đt: 0439440833, máy lẻ: 8564, email: sonlt@customs.gov.vn.

- Về kê khai mã Biểu CPTPP trên hệ thống VNACCS/VCIS, bộ phận Hỗ trợ người sử dụng (Helpdesk – TCHQ) – Điện thoại: 19009299 (nhánh 2), thư điện tử Bophanhotrotchq@customs.gov.vn.

Yêu cầu các Cục Hải quan tỉnh, thành phố chỉ đạo, hướng dẫn các Chi cục và doanh nghiệp thực hiện thống nhất theo hướng dẫn trên.

Tổng cục Hải quan thông báo để các đơn vị biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Vũ Thị Mai (để báo cáo);
- TCT Nguyễn Văn Cận (để báo cáo);
- Các Phó Tổng cục trưởng (để chỉ đạo);
- Vụ HTQT, CST, Pháp chế - BTC (để phối hợp t/hiện);
- Cục GSQL, Cục CNTT, Cục KTSTQ, Cục QLRR (để t/hiện);
- Lưu: VT, TXNK. (3b).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Dương Thái